

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA
“FMC”

THÁNG 01 NĂM 2018

MỤC LỤC

	Trang
I. Thông tin chung	2-9
II. Tình hình hoạt động trong năm	9-23
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc	23-28
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị	28-29
V. Quản trị công ty	29-36
VI. Báo cáo tài chính	36

22/01
CỔ
C
TH
S
02/1

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước tên gọi Công ty thực phẩm xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng đi vào hoạt động ngày 3 tháng 2 năm 1996 với vốn ban đầu 21 tỷ đồng từ ban Tài chính quản trị Tỉnh ủy Sóc Trăng đầu tư, chuyên chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu. Nay công ty đang hoạt động theo địa chỉ sau:

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA**
- Tên tiếng Anh : **SAO TA FOODS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **FIMEX VN**
- Biểu tượng công ty:



- Vốn điều lệ: **390.000.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi tỷ đồng chẵn)**
- Mã chứng khoán: **FMC**
- Trụ sở chính : **Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.**
- Điện thoại : **(0299)3822223 – 3822201; Fax: (0299) 3822122 – 3825665**
- Website: **www.fimexvn.com; Email: fimexvn@vnn.vn**
- Giấy CNĐKKD: Số 2200208753(Số cũ 5903000012 đăng ký lần đầu 19/12/2002, số mới 2200208753 đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 25/09/2017 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp).

2. Quá trình hình thành và phát triển:

✓ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

❖ Năm 2002

Ngày 09/10/2002, Ủy ban nhân dân Tỉnh Sóc Trăng có quyết định số 346/QĐ.TCCB.02 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty thực phẩm XNK tổng hợp Sóc Trăng từ loại hình doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

❖ Năm 2003

Ngày 01/01/2003, Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần với tên công ty là: Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta (Fimex VN), hoạt động theo

giấy đăng ký kinh doanh số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19/12/2002 với Vốn điều lệ 104 tỷ đồng, trong đó nhà nước giữ 77% sở hữu. Ngày 22 tháng 11 năm 2003 công ty rút vốn điều lệ xuống 60 tỷ, phần vốn nhà nước còn 60%.

❖ Năm 2005

Ngày 09 tháng 08 năm 2005 công ty làm đầu giá 11% vốn điều lệ để giảm phần vốn nhà nước còn 49%.

❖ Năm 2006

22/06/2006 tại trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM) công ty tiếp tục đầu giá bán 16 tỉ đồng vốn sở hữu nhà nước. Ngày 7 tháng 12 năm 2006 cổ phiếu công ty được niêm yết lần đầu trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM với tên FMC với lượng 6 triệu cổ phiếu, trong đó phần nhà nước chiếm giữ 20%.

❖ Năm 2007

Công ty lại tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 79 tỷ đồng thông qua việc thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thưởng cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của công ty và phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược. Ngày 20/07/2007, công ty tiếp tục niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu là 900.000 cổ phiếu.

❖ Năm 2008

Ngày 21/05/2008, cổ phiếu FMC chính thức được niêm yết bổ sung thêm cổ phiếu theo công văn chấp thuận số 447/TB-SGDHCM ngày 19/05/2008 của HOSE, nâng tổng số lượng cổ phiếu FMC được niêm yết tại HOSE là 7.900.000 cổ phiếu.

❖ Năm 2009

Để đáp ứng điều kiện vốn điều lệ tối thiểu 80 tỷ đồng đúng theo quy định để cổ phiếu FMC được tiếp tục niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), đến tháng 02/2009 công ty phát hành xong thêm 1 tỷ đồng cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 17,25%. Tháng 05/2009, cổ phiếu FMC chính thức niêm yết bổ sung 100.000 cổ phiếu, nâng tổng số 8.000.000 cổ phiếu được niêm yết tại HOSE, đáp ứng đủ điều kiện vốn điều lệ 80 tỷ đồng và tiếp tục niêm yết tại HOSE theo quy định của Luật Chứng khoán.

❖ Năm 2013

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường diễn ra ngày 10/11/2012, thời điểm cuối tháng 03/2013 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 5.000.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược là Công ty cổ phần Hùng Vương, nâng vốn điều lệ công ty lên 130 tỉ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 10,62%. Tháng 04/2013, cổ phiếu FMC tiếp tục niêm yết bổ sung 5.000.000 cổ phiếu, nâng tổng số niêm yết lên 13.000.000 cổ phiếu.

❖ Năm 2014

Công ty đã phát hành thành công 7 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ công ty từ 130 tỉ lên thành 200 tỉ đồng. Việc phát hành này đã thực hiện xong tại thời điểm 31/12/2014.

❖ Năm 2015

Nhận thấy tình hình nuôi tôm đang phát triển, từ đầu năm 2015, FMC đưa thêm nhà máy chế biến tôm đông lạnh mới xây xong vào hoạt động, tăng công suất chế biến thêm 60%. Tháng 03/2015, công ty đã hoàn thành việc niêm yết và lưu ký bổ sung đối với 7 triệu cổ phiếu vừa phát hành trong năm 2014.

❖ Năm 2016

Thực hiện theo Nghị quyết số 13/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015, công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được mua 1 cổ phiếu mới) để tăng vốn điều lệ từ 200 tỉ lên 300 tỉ đồng. Việc phát hành này hoàn thành trong tháng 04/2016. 10 triệu cổ phiếu mới phát hành xong được niêm yết và lưu ký bổ sung trong tháng 5/2016.

❖ Năm 2017

Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn Điều lệ từ 300 tỉ lên 390 tỉ đồng.

✓ Tình hình hoạt động:

- Qua thời gian hoạt động từ năm 1996 đến nay công ty làm ăn đều tốt, có lãi. Ngay năm hoạt động thứ 2 công ty đã thu hồi vốn đầu tư ban đầu và đứng vào top 5 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu tôm lớn nhất nước kéo dài từ 1997 đến nay. Nhiều năm liền công ty dẫn đầu cả nước về lượng tôm tinh chế xuất vào Nhật Bản.
- Về mặt uy tín thương hiệu và hiệu quả sản xuất kinh doanh: công ty nằm trong top dẫn đầu, 8 năm liền 1997-2004 và năm 2006 công ty được Chính phủ tặng thưởng Cờ Thi đua.

- FMC có vùng nuôi tôm riêng rộng 160 hecta, đạt chuẩn BAP, ASC tạo thêm an tâm về tôm sạch tới khách hàng.

Với thành tích hơn 20 năm hoạt động hiệu quả cao, công ty đã được Chính phủ 9 lần tặng thưởng cờ thi đua, danh hiệu Anh hùng lao động và Huân chương lao động hạng I, II, III.

✓ Các sự kiện khác:

Trong năm 2011, công ty đã thực hiện đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM về việc bán 777.370 cổ phiếu quỹ để có nguồn phục vụ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do giá cổ phiếu FMC trên thị trường chứng khoán không đạt theo yêu cầu mong đợi nên không có giao dịch. Đến năm 2014, công ty mới bán hết lượng cổ phiếu quỹ.

Năm 2017, công ty đã hoàn thành việc xây dựng cơ bản Nhà máy thủy sản Tin An và đang cho tiến hành chạy thử. Kể từ ngày 01/01/2018, Nhà máy này đã chính thức đưa vào hoạt động.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến;
- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống;
- Gieo trồng, sản xuất, xuất khẩu và tiêu thụ nội địa hàng nông sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ.

+ Địa bàn kinh doanh:

Hai mảng sản xuất kinh doanh chính của công ty là mặt hàng tôm đông lạnh và nông sản xuất khẩu hoạt động chủ yếu tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng bao gồm cả các chi nhánh trực thuộc như sau:

- *Xi nghiệp thủy sản Sao Ta. Địa chỉ: Đường N1, Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng*

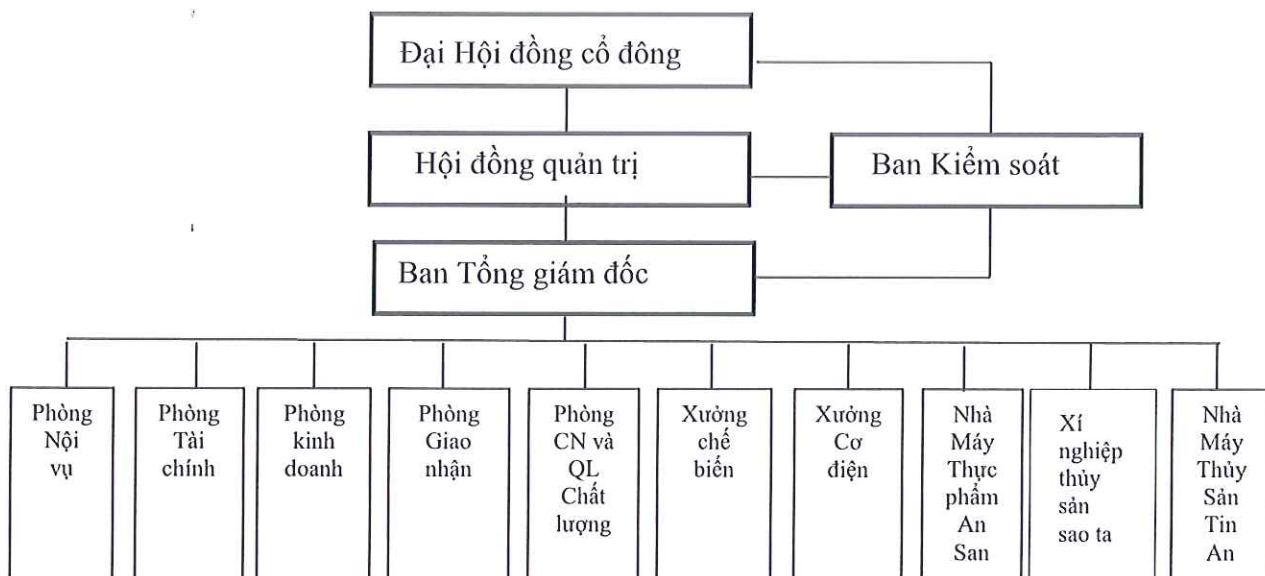
- *Nhà máy thực phẩm An San. Địa chỉ: Đường N2, Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng*

- *Nhà máy thủy sản Tin An. Địa chỉ: Lô N, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã*

An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Mô hình quản trị:



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban Kiểm soát (BKS).

a) Hội đồng quản trị

HDQT gồm có 05 thành viên trong đó 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 Thành viên. HDQT là cơ quan quản trị cao nhất của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

b) Ban Kiểm soát

Là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành công ty. Ban kiểm soát Bao gồm 03 thành viên: 01 Trưởng ban và 02 thành viên.

c) Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng giám đốc gồm 06 thành viên (Tổng giám đốc và 05 Phó Tổng giám đốc), 01 kế toán trưởng do HDQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc công ty là người

đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành công ty. Tổng Giám đốc do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm. Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty là người giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty theo sự phân công.

d) Các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc

Các phòng ban chức năng hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty được vận hành tốt. Công ty gồm có các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc như sau: Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Giao nhận, Phòng Công nghệ và Quản lý chất lượng, Xưởng Cơ điện, Xưởng chế biến, Nhà máy Thực phẩm An San, Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta, Nhà máy Thủy sản Tin An.

e) Công ty con, công ty liên kết: Không

5. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- *Mục tiêu chiến lược: Góp phần ngày càng đáng kể trong chuỗi giá trị tạo ra nguồn thực phẩm ngon, bổ dưỡng; tác động kích thích các khâu có liên quan như nuôi, gieo trồng, khai thác, bảo quản sau thu hoạch, dịch vụ làm tăng việc làm, tăng của cải xã hội.*

- *Mục tiêu cụ thể: Giữ vững uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm, mở rộng sản xuất chiều rộng lẫn chiều sâu, chủng loại sản phẩm nhằm đạt mức tăng trưởng 10-20% năm về dài hạn, đứng trong top 5 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu nông thủy sản lớn nhất nước.*

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- *Đa dạng hóa sản phẩm từ nguyên liệu thủy sản và nông sản trên nền tảng tìm hiểu khả năng cung cầu các mặt hàng cụ thể trên thị trường thế giới kết hợp với thế mạnh về đất đai, lao động của địa phương.*

- *Từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ, hết sức chú trọng về chiều sâu, các mặt hàng tinh chế nhằm tăng thế mạnh cạnh tranh, doanh số, lợi nhuận.*

- *Việc tổ chức nuôi, trồng, chế biến có chọn lọc và tổ chức trên nền tảng hạn chế tối đa gây tổn hại môi trường và lợi ích cộng đồng.*

+ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Đây cũng là mục tiêu chủ yếu, đồng thời là chiến lược phát triển trung và dài hạn như đã nêu trên, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp cho người lao động và các cổ đông.

6. Các rủi ro:

a) Rủi ro tỉ giá

Doanh thu tiêu thụ của công ty chủ yếu là xuất khẩu (chiếm trên 95% tổng doanh thu). Đồng tiền sử dụng cho xuất khẩu là Đô la Mỹ. Nếu cặp tỉ giá USD/VND biến động tăng/giảm đều ảnh hưởng đến doanh thu tiêu thụ, ảnh hưởng lợi nhuận của công ty.

b) Rủi ro lãi suất

Nguồn tài trợ vốn lưu động của công ty chủ yếu vay ngắn hạn ngân hàng (cơ cấu nợ vay năm 2017 chiếm gần 60% trên tổng tài sản). Khi thị trường tiền tệ biến động, mặt bằng lãi suất vay biến động sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

c) Rủi ro luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với lĩnh vực kinh doanh nuôi trồng, thu mua chế biến và xuất khẩu nông thủy hải sản xuất khẩu đông lạnh chịu sự ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thủy sản, Luật Thương mại,... và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Hệ thống pháp luật về kinh doanh trong lĩnh vực này hiện nay nhìn chung còn chưa thực sự nhất quán và ổn định, vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo, việc áp dụng các văn bản pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập. Ngoài ra với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường Nhật Bản, Mỹ, EU và Hàn Quốc, hoạt động kinh doanh của công ty chịu ảnh hưởng của các chính sách, pháp luật và các quy định khác do chính phủ của các quốc gia này ban hành.

d) Rủi ro đặc thù

Rủi ro về thị trường tiêu thụ: Các thị trường tiêu thụ chính của Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta là Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU - đây là những thị trường khó tính với những quy định, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm đòi hỏi Công ty luôn chú trọng đầu tư về công nghệ, dây chuyền cũng như quy trình để có thể sản xuất sản phẩm đáp ứng những tiêu chí trên. Mặc dù, công ty luôn chú trọng các tiêu chuẩn nhưng lại phụ thuộc rất nhiều vào chính sách của bên nhập khẩu, nếu có sự thay đổi từ bên nhập khẩu sẽ khiến cho công ty rơi vào thế bị động, tăng thêm chi phí sửa đổi, thay đổi quy trình.

Rủi ro cạnh tranh: Ngành thủy sản ở Việt Nam có hàng trăm doanh nghiệp nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu tuy nhiên việc đầu tư thấp, dàn trải và không đồng bộ, có nhiều công ty nhỏ lẻ bán giá thấp kèm theo chất lượng sản phẩm thấp đã làm cho mặt bằng giá thị trường không ổn định ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Ngoài ra, thương lái Trung Quốc luôn cạnh tranh với công ty trong việc thu mua tôm nguyên liệu, khiến giá tôm bị đẩy lên cao cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Rủi ro về các yếu tố đầu vào: Nguồn nguyên liệu chủ yếu của công ty là tôm, do đó các biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như: thời tiết, môi trường nuôi trồng, nguồn nước, chất lượng con giống, công nghệ nuôi, thức ăn, dịch bệnh... Để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất với chi phí hợp lý, công ty luôn chuẩn bị kế hoạch thu mua tôm nguyên liệu chi tiết, liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý, đồng thời tự triển khai phát triển vùng nuôi tôm để chủ động một phần nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

e) Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh giúp đem lại nguồn vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đồng thời khẳng định uy tín, tăng thanh khoản, công khai minh bạch hơn, góp phần quảng bá thương hiệu của Fimex VN đến với nhà đầu tư sâu và rộng hơn nữa. Tuy nhiên, giá chứng khoán được quyết định bởi nhiều yếu tố không chỉ do việc hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, mà còn bởi các yếu tố như tình hình kinh tế-xã hội-chính trị trong và ngoài nước, cung-cầu cổ phiếu, yếu tố tâm lý nhà đầu tư... Nếu có sự thay đổi của giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thương hiệu, giá trị và sự tin tưởng của nhà đầu tư vào công ty.

f) Rủi ro khác

Những rủi ro về môi trường như thiên tai, lũ lụt, hạn hán, chiến tranh dịch họa,... tuy xác suất xảy ra không lớn nhưng nếu phát sinh sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc hoạt động kinh doanh của công ty và gây tổn thất nghiêm trọng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% 2017/2016
1	Tổng giá trị tài sản	1.705.769	1.538.256	110,89
2	Doanh thu thuần	3.248.594	3.041.629	106,80
3	Giá vốn hàng bán	2.976.101	2.788.261	106,74
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	125.331	98.839	126,80
5	Lợi nhuận khác	(439)	(534)	
6	Lợi nhuận trước thuế	124.892	98.305	127,05
7	Lợi nhuận sau thuế	122.321	94.316	129,69
8	Tỷ lệ cổ tức	45% (*)	18%	250

(Nguồn : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017)

Ghi chú: (*) Dự kiến trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

- Tình hình thực hiện kế hoạch:

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% 2017/Kế hoạch
1	Tổng doanh thu bán hàng	3.375.000	3.262.515	96,67
2	Lợi nhuận trước thuế	100.000	124.892	124,89
3	Tỷ lệ cổ tức	30%	45%	150,00

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hồ Quốc Lực	Tổng Giám đốc	
2	Dương Ngọc Kim	P.Tổng Giám đốc	
3	Phạm Hoàng Việt	P.Tổng Giám đốc	
4	Mã Ích Hưng	P.Tổng Giám đốc	
5	Đình Văn Thới	P.Tổng Giám đốc	
6	Hoàng Thanh Vũ	P.Tổng Giám đốc	
7	Tô Minh Chăng	Kế toán trưởng	

Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành :

Ông Hồ Quốc Lực – Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	07/05/1956
Nơi sinh	tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299) 3822223
Trình độ học vấn	Tiến sĩ
Trình độ chuyên môn	Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 1983–1986	Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Thủy sản XNK Hậu Giang
- Từ 1986–1991	Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp đông lạnh II Hậu Giang
- Từ 1991–1992	Trưởng phòng Nghiệp vụ Xí nghiệp đông lạnh II
- Từ 1992–1994	Phó Giám đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 1994–1996	Trưởng ban quản lý xây dựng cơ sở Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
- Từ 1996–2003	Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 2003–2006	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta, Chủ tịch Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)
- Từ 2007– tháng 10/2009	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Tháng 10/2009–nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	455.000

Ông Phạm Hoàng Việt – Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/11/1964
Nơi sinh	tỉnh Hậu Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299) 3822201/3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ 1986–1992	Nhân viên phòng Kinh doanh – Đại lý Yamaha
- Từ 1992–1996	Sinh viên trường Đại học Quản trị kinh doanh
- Từ 1996–04/1997	Nhân viên Phòng XNK - Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
- Từ 04/1997–2002	Trưởng phòng Thương mại Công ty Thực phẩm XNK TH Sóc Trăng
- Từ 2003–2004	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 01/2005–08/2005	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	138.937



Bà Dương Ngọc Kim – Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nữ
Ngày sinh	18/08/1958
Nơi sinh	tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299) 3822203
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật, cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ 1978–1986	Trưởng ca sản xuất tại Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 1987–1992	Trưởng ca sản xuất tại Xí nghiệp Đông lạnh Cần Thơ (Cafatex)
- Từ 1992–1995	Phó Quản đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 1996–1997	Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
- Từ 1997–2003	Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 04/2007–10/2009	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 10/2009–16/04/2010	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	122.362

Ông Mã Ích Hưng – Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	11/02/1970
Nơi sinh	phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Hoa
Điện thoại liên lạc	(0299) 3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 02/1992–01/1996	Công nhân Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 02/1996–07/1997	Công nhân Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
- Từ 08/1998–12/2002	Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 01/2003–12/2004	Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 01/2005–05/2006	Thành viên Ban kiểm soát, Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 06/2006–30/11/2008	Thành viên Ban kiểm soát, Trợ lý Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 12/2008 –06/2009	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 24/07/2009–16/04/2010	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 16/04/2010–31/07/2010	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	67.372

Ông Đinh Văn Thới – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/10/1962
Nơi sinh	huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299) 3822223
Trình độ học vấn	Thạc sĩ
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:	
Từ 1981–1986	Sinh viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh
Từ 1987–1990	Cán bộ kỹ thuật Xưởng cơ khí Nông nghiệp I Hậu Giang, Phó quản đốc phân xưởng cơ khí XI nghiệp cơ khí Sóc Trăng
Từ 1990-1992	Học ngành máy lạnh tại Trung tâm nghiên cứu thiết bị nhiệt và năng lượng mới – Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh
Từ 1996-12/2002	Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
Từ 01/2003-12/2004	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 2005–30/11/2008	Thành viên Ban Kiểm soát, Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/12/2008–31/03/2010	Phó Giám đốc Nhà máy nông sản An San
Từ 01/04/2010–16/04/2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 16/04/2010–26/04/2013	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	66.787

Ông Hoàng Thanh Vũ – Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	26/02/1978
Nơi sinh	Mỏ Cà, Bến Tre
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299) 3822 223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế biến thủy sản
Quá trình công tác:	
- Từ 05/2000–04/2001	Công nhân Công ty TNHH Kim Anh, tỉnh Sóc Trăng
- Từ 05/2001–06/2002	Công nhân Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 06/2002–12/2002	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 01/2003–02/2005	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 03/2005–04/2010	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2010–04/2013	Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2013–04/2015	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2015–nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	5

753
TY
IN
IAM
IA
SOC

Ông Tô Minh Chăng – Kế toán trưởng

Giới tính	Nam
Ngày sinh	12/06/1970
Nơi sinh	xã Hòa Đông, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299) 3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:	
Từ 02/1994–09/1997	Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
Từ 01/2003–05/2003	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 06/2003–12/2004	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/2005–31/07/2006	Kế toán tổng hợp, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/08/2006–17/08/2006	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 18/08/2006–nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	69.420



- 2.2. **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có
2.3. **Số lượng cán bộ, công nhân viên:**

Tổng số người lao động: 3.038 người

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ lao động	3.038	100%
1	Trình độ trên Đại học	6	0,20%
2	Trình độ Đại học & Cao đẳng	288	9,48%
3	Trình độ Trung cấp	157	5,17%
4	Công nhân kỹ thuật	120	3,95%
5	Lao động phổ thông	2.467	81,20%
II	Theo loại hợp đồng lao động	3.038	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	1.230	40,49%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)		
3	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	1.808	59,51%
III	Theo giới tính	3.038	100%
1	Nam	1.034	34,04%
2	Nữ	2.004	65,96%

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện công việc đòi hỏi mà các đội có thể thay đổi thời giờ làm việc trong ngày cho phù hợp hoặc làm thêm giờ nhưng phải bảo đảm số giờ tiêu chuẩn của ngày làm việc do công ty quy định.

Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12, 14 hoặc 16 ngày/năm tùy theo điều kiện làm việc. Nếu chưa đủ 12 tháng thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên, cứ mỗi 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

Ngoài ra, hàng năm, tất cả nhân viên của công ty đều được nghỉ lễ 8 ngày/năm. Nếu những ngày này trùng với những ngày nghỉ khác, thì nhân viên được nghỉ bù vào ngày tiếp theo.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập để đảm bảo nhân viên mới có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với công ty. Trong dài hạn, công ty ưu tiên nguồn nhân lực ở địa phương vì có tính ổn định và chất lượng khá cao.

Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn, thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng, chuyên môn cần thiết được thực hiện tại công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của công ty được lập từ đầu năm.

Bên cạnh đó, công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như: phổ biến nội quy quy định của công ty, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng như: HACCP, OHSAS 18001, ISO 9001-2008, ISO 14001-2004...

Ngoài ra, công ty còn thuê các chuyên gia đến công ty trực tiếp đào tạo, hay gửi công nhân đi tham dự các khóa học chuyên ngành...

Để thực hiện tốt công tác đào tạo, công ty và người lao động thỏa thuận cam kết về nghĩa vụ và quyền lợi của hai bên trong quá trình học tập, khả năng công tác và thời gian phục vụ công ty sau khi học tập.

Lương, thưởng, trợ cấp

Để tạo sự công bằng, hiện nay công ty trả lương theo sản phẩm làm ra, không người lao động nào có thể dựa dẫm hoặc ăn theo người khác, từ đó tạo "đòn bẩy" về mặt kinh tế thúc đẩy sự hăng say trong công việc của mọi người lao động. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong công ty qua các năm được cải thiện đáng kể.

Hàng năm, công ty dùng một khoản tiền được trích từ lợi nhuận theo quy định để khen thưởng cho cán bộ công nhân viên của công ty. Chính sách khen thưởng của công ty là theo bình bầu xếp loại A, B, C hoặc theo mức lương trung bình năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Xây mới Nhà máy thủy sản Tin An .

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính: Đã được nêu tại Mục II, Khoản 1 trong báo cáo này.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,20	1,21
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,59	0,43
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	0,67	0,67
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	2,07	2,07
2. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	3,90	3,92
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	1,98	1,90
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,10	3,77
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	18,84	22,03
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,13	7,17
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,25	3,86
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần			
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	2.696	3.296

(Nguồn : Báo cáo Tài chính kiểm toán 2017)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 09/06/2017:

5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 39.000.000 cổ phần. Trong đó:

- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do: 39.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Số tiền theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước	1	1.380.000	13.800.000.000	3,54
2. Cổ đông là pháp nhân	44	26.136.794	261.367.940.000	67,02
3. Cổ đông là cá nhân	1.209	11.483.206	114.832.060.000	29,44
Tổng cộng	1,254	39.000.000	390.000.000.000	100,00

Trong đó:

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Số tiền theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông lớn	1	21.167.999	211.679.990.000	54,28
- Pháp nhân	1	21.167.999	211.679.990.000	54,28
- Cá nhân	0	0	0	0
2. Cổ đông nước ngoài	87	4.266.574	42.665.740.000	10,94
- Pháp nhân	15	3.919.138	39.191.380.000	10,05
- Cá nhân	72	347.436	3.474.360.000	0,89

(Nguồn: Theo danh sách sau phát hành 9.000.000 CP cho cổ đông hiện hữu chốt đến ngày 09/06/2017)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của vốn chủ sở hữu: Không có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.5. Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

• **Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội:**

Bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội, công nhân viên làm cho người dân, công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên, khí hậu,... xung quanh công ty và trong khu vực. Bởi lẽ, môi trường là nơi để mọi cá thể sinh sống, làm việc; việc tác động xấu đến môi trường sẽ gây ra nhiều rủi ro cho công việc sản xuất kinh doanh của những cá thể trong đó. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng phát triển,

các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Đặc biệt, các đối tác và khách hàng lớn của bản thân công ty là các nước phát triển như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU... đều đòi hỏi những sản phẩm thật sự chất lượng, đúng quy cách, nghiêm ngặt từ khâu nuôi trồng, chế biến đến xuất khẩu.

Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên của các doanh nghiệp cũng đang dần bị người tiêu dùng lên án. Mặt khác, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp dẫn đến giá tài nguyên tăng cao, hiệu quả công việc thấp hơn trong những khu vực bị ô nhiễm đã và đang ảnh hưởng sát sườn đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp buộc phải quan tâm tới các khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Ý thức được những vấn đề như trên, FMC có những biện pháp để bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, vừa là một phương pháp giữ vững hình ảnh thương hiệu FMC trong mắt khách hàng nội địa đến những đối tác nước ngoài:

- Áp dụng chuẩn ISO 14000 và chuẩn thực hiện nông nghiệp tốt - hệ thống chuẩn nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm, ít tác hại vào môi trường và an toàn cho lao động trong quá trình sản xuất, thu hoạch, chế biến nông phẩm; tạo ra được các sản phẩm có sức cạnh tranh tốt vào thị trường thế giới, nhất là ở các thị trường có tiêu chuẩn cao như Nhật, Mỹ và EU.
- Chính sách dùng vật liệu tái tạo được khuyến khích trong toàn bộ nhân viên. Sử dụng những vật liệu tái chế vừa có lợi cho môi trường, xã hội mà còn có lợi cho công ty như giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý, đầu tư hệ thống xử lý rác thải.
- Chủ động tìm nguồn nguyên liệu sạch: Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta hoạt động trong ngành nghề thực phẩm; do đó, vấn đề nguyên liệu đầu vào phải sạch là một vấn đề thách thức với doanh nghiệp nhưng cũng là một cơ hội để doanh nghiệp xây dựng hình ảnh sản phẩm xanh, sản phẩm sạch trong mắt người tiêu dùng. FMC có một quy trình khép kín từ khâu nuôi trồng đến chế biến và đưa ra thị trường. Hệ thống dây chuyền sản xuất được đầu tư hiện đại, đủ khả năng tạo ra những thành phẩm tươi ngon, bảo đảm quy cách. Việc nuôi trồng thủy sản, nông sản cũng được chú trọng; luôn có những chuyên viên với trình độ chuyên môn cao đánh giá các sản phẩm theo những quy chuẩn quốc tế, hướng đến an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo đảm sức khỏe người tiêu dùng.
- Đầu tư máy móc hiện đại không những đảm bảo năng suất, đáp ứng khối lượng

hàng hóa xuất ra thị trường, mà còn là một biện pháp tiết kiệm những chi phí cố định như tiết kiệm điện, nước, chi phí sửa chữa,... giảm phát thải ra môi trường, tiêu tốn nhiên liệu.

- **Chính sách liên quan đến người lao động**

Công ty còn tổ chức cho đại đa số cán bộ công nhân viên đi tham quan và nghỉ mát sau một năm làm việc vất vả. Một số cá nhân xuất sắc được công ty đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng cấp bằng khen, giấy khen...

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Người lao động của công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi, được quy định trong thỏa ước lao động tập thể, được cơ quan chức năng thừa nhận.

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Bộ luật lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể, công ty cũng luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên, cụ thể:

Xây dựng được 40 phòng ở trong khuôn viên của công ty, trang bị đầy đủ vật dụng cần thiết phục vụ cho việc ăn, ở nhằm thu hút lực lượng lao động có tay nghề từ các nơi đến làm việc, đồng thời cũng là tạo tư tưởng an tâm trong công tác cho cán bộ công nhân viên từ xa đến công ty làm việc.

Công ty đã xây dựng được 06 căn tin phục vụ cho cán bộ công nhân viên xuyên suốt từ 5 giờ sáng đến 12 giờ khuya (ca 3) và khu chợ phục vụ cho nhu cầu ăn uống, mua sắm đa dạng của cán bộ công nhân viên (do công ty nằm ở khu vực xa chợ).

Công ty đã xây dựng phòng đọc sách, phòng karaoke, lắp đặt trò chơi điện tử, xây dựng 02 sân cầu lông, 01 sân bóng đá mini, 03 bàn bóng bàn nhằm tạo dựng không khí vui chơi, giải trí lành mạnh sau giờ làm việc, sản xuất.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Đánh giá hoạt động chế biến và xuất khẩu:

Theo dự báo thời tiết năm 2017 sẽ thuận lợi cho việc nuôi tôm, khả năng sản lượng tôm nuôi sẽ tăng đáng kể so các năm trước. Từ đó đã tác động tới chính sách bán hàng của FMC. FMC đã ký sớm nhiều hợp đồng lớn nhằm tranh thủ giá tôm nguyên liệu khi vào chính vụ sẽ sụt giảm. Sản lượng tôm nuôi tại Sóc Trăng khá. Tuy nhiên, cân đối chung cho tất cả nhà máy từ miền Trung trở vào thì sản

lượng nguyên liệu không dư thừa, thậm chí còn thiếu cục bộ do các nhà máy đều chủ động đơn hàng từ sớm. Tình hình đó, khi tôm vào vụ, giá cả tôm nguyên liệu không sụt giảm như dự kiến, thậm chí còn tăng nhẹ. Điều này làm giảm sút mạnh hiệu quả các hợp đồng đã ký sớm. Tuy nhiên, việc chế biến và tiêu thụ vẫn có lãi nhưng chỉ thấp hơn kỳ vọng mà thôi. Đạt được kết quả khả quan này do lãnh đạo FMC đã thu thập thông tin tốt, đánh giá đúng diễn biến tình hình cung cầu tôm, điều chỉnh kịp thời một số giải pháp ứng xử như các đơn hàng giá thấp hơn phải khẩn trương trả nợ ngay nhằm giảm thiệt hại. Việc làm này tuy có chút thua thiệt nhưng giữ vững uy tín FMC trên thương trường. Kết hợp với các yếu tố khác, năm 2017, sản phẩm FMC tiếp tục tạo được sự tín nhiệm, chen chân được vào hệ thống bán hàng cao cấp ở thị trường châu Âu với sản lượng tăng đáng kể.

1.2. Đánh giá hoạt động nuôi tôm:

Đánh giá năm 2017 là năm thuận lợi cho việc nuôi tôm, FMC đã chủ động thả giống hàng loạt ngay trong tháng ba âm lịch, là tháng nóng nhất và cơ quan chức năng khuyến cáo dừng thả giống thời điểm này. Cái nhìn của FMC thấy lợi điểm trong hoàn cảnh bất lợi. Và đã xử lý các điểm bất lợi thông qua các giải pháp kỹ thuật FMC nắm vững. Vụ tôm chính vụ năm 2017 FMC trúng lớn nhất trong năm năm nuôi tôm, cộng với giá tôm nguyên liệu tốt, qua đó lợi nhuận đạt 52 tỷ đồng, tạo một tiếng vang ở đồng bằng về kỷ lục số ao trúng trên số ao thả nuôi. Cũng nói thêm vụ nuôi chính 2016 lợi nhuận chỉ 14 tỷ đồng. Với số tiền lãi này, đã bù đắp được vào phần thiếu hụt trong lĩnh vực chế biến và có thừa để vượt chỉ tiêu kế hoạch 2017. Trên tinh thần phấn khởi và sự chủ động trong công nghệ nuôi riêng của mình, FMC đã thả nuôi trên diện rộng vụ hai. Vụ nuôi này thời tiết bất lợi, dễ bùng phát dịch bệnh. Tuy có thiệt hại, nhưng kết quả nuôi cũng tạm được, với lợi nhuận. Thật ra mà nói, biết rằng nuôi vụ hai đầy bất trắc nhưng FMC phải nuôi. Đây không đơn thuần là nhiệm vụ mang ý nghĩa kinh tế đơn thuần mà còn mang ý nghĩa về mặt marketing. Bởi nếu FMC không có ao tôm, không thể thuyết phục khách hàng khi quãng thời gian này họ qua kiểm tra việc thực hiện hợp đồng của FMC đã ký kết với họ.

1.3. Đánh giá hoạt động chế biến nông sản:

Năm 2016 nhà máy chế biến nông sản tập trung nâng cấp và thay đổi thiết bị cho nên sản lượng thành phẩm nông sản chế biến chỉ đạt 693 tấn, doanh số 2,6 triệu USD. Qua năm 2017 với cơ sở vật chất hoàn thiện, Nhà máy nông sản đã chế biến 1.414 tấn với doanh số tiêu thụ 5,3 triệu USD. Các mặt hàng chiến lược, chủ lực tiếp tục phát huy, chiếm tỉ lệ áp đảo trong cơ cấu sản phẩm và kim ngạch xuất khẩu.

1.4. Kết quả hoạt động năm tài chính 2017:



CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2017	TH 2017	% TH17/KH17
Tôm thành phẩm	Tấn	15.000	15.574	103,8
Nông sản TP	Tấn	1.200	1.414	117,8
Tôm tiêu thụ	Tấn	14.000	12.947	92,5
Nông sản tiêu thụ	Tấn	900	1.305	145,0
Doanh số chung	Triệu \$	150	143,8	95,9
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	100	125	125,0
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	3,0	2,15	71,67

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Tình hình tài sản trong năm biến động như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2016	Chênh lệch
01	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	<i>1.384.650</i>	<i>1.237.868</i>	<i>146.782</i>
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	62.079	193.460	(131.381)
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn		10.000	(10.000)
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	397.046	382.057	14.989
	- Hàng tồn kho	895.015	624.691	270.324
	- Tài sản ngắn hạn khác	30.510	27.660	2.850
02	<i>Tài sản dài hạn</i>	<i>321.119</i>	<i>300.388</i>	<i>20.731</i>
	Trong đó:			
	- Phải thu dài hạn	368	368	0
	- Tài sản cố định	285.491	230.261	55.230
	- Tài sản dở dang dài hạn	3.438	33.111	(29.673)
	- Tài sản dài hạn khác	31.822	36.648	(4.826)
	Tổng tài sản	1.705.769	1.538.256	167.513

Tổng tài sản tăng so với đầu năm chủ yếu do tăng lượng dự trữ hàng tồn kho.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ phải trả của công ty chủ yếu là các khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng. Khoản nợ này so với đầu năm chỉ tăng 95.925 triệu đồng. Nguyên nhân tồn kho tăng và dư nợ tiền gửi giảm như đã nêu tại 2.1 mục III báo cáo này.

Việc vay nợ từ các ngân hàng chủ yếu tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động phục vụ xuyên suốt cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Với tình hình diễn biến cặp tỉ giá USD/VND hàng ngày, công ty lựa chọn phương án vay USD hay vay VND sao cho chi phí đi vay thấp nhất.

- Về rủi ro tỉ giá :

Chỉ tiêu (tại ngày 30/09/2017)	Tiền gốc ngoại tệ		Tương đương VND (triệu đồng)	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	222.848,64	213,55	5.056	5,6
Phải thu	15.173.415,24		344.284	
<i>Tổng cộng</i>	<i>15.396.263,88</i>	<i>213,55</i>	<i>349.340</i>	<i>5,6</i>
Nợ tài chính				
Các khoản vay	24.962.000,00		568.135	
Các khoản phải trả khác	1.489.888,94		33.914	
<i>Tổng cộng</i>	<i>26.451.888,94</i>		<i>602.049</i>	
Mức độ rủi ro tiền tệ	(11.055.625,06)		(252.709)	

• Về khả năng thanh toán nợ phải trả: công ty luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ phải trả vì hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn luôn lớn hơn 1.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Luôn có sự điều chỉnh kịp thời chiến lược kinh doanh và hệ thống giải pháp tương ứng nhất là trong bối cảnh môi trường kinh doanh đầy biến động, coi chiến lược kinh doanh là đòn bẩy, nền tảng xây dựng chiến lược các mặt hoạt động khác.

4. Kế hoạch phát triển tương lai:

4.1. Kế hoạch dự kiến năm 2018:

Xác định hoạt động chủ lực vẫn là *nuôi tôm, chế biến tôm và chế biến nông sản*. Tuy nhiên, từ năm 2018 FMC thêm một mảng hoạt động mới là gia công thủy sản đông lạnh xuất khẩu.

Chương trình trọng tâm thúc đẩy kinh doanh: *Giữ vững việc thâm nhập hệ thống phân phối thủy sản cao cấp hàng đầu ở châu Âu, tăng cường tiêu thụ tại thị trường Hàn Quốc và duy trì tốt các khách hàng và thị trường đã có.*

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018:

- Sản lượng tôm thành phẩm: 19.000 tấn (năm 2017 là 15.574 tấn)
- Sản lượng nông sản: 1.800 tấn (năm 2017 là 1.414 tấn)
- Doanh số: 190 triệu USD (năm 2017 là 143.8 triệu USD).
- Lợi nhuận trước thuế: tối thiểu 140 tỷ đồng.
- Cổ tức: tối thiểu 20% bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu tùy tình hình.

4.2. Giải pháp:

- Tổ chức đoàn tham dự hội chợ thủy sản quốc tế lớn ở Boston Hoa Kỳ, Brusell Bỉ và các hội chợ thủy sản khác như Hàn Quốc, Trung Quốc, Dubai..., nhằm mở rộng thị trường, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm cao cấp của công ty.

- Luôn quan tâm tăng cường củng cố giám sát chất lượng sản phẩm, giữ uy tín chất lượng sản phẩm song song việc nâng cao sản lượng chế biến cho cả thủy sản

và nông sản phối chế. Tổ chức chế biến các mặt hàng tôm duỗi, tôm bột tại nhà máy Sao Ta nhằm phát huy thế mạnh của FMC đồng thời nhằm tăng thị phần ở Hàn Quốc.

- Việc cải tạo, tu bổ các xưởng là việc làm thường xuyên và tập trung vào lúc ít việc chế biến. Xây dựng thêm kho lạnh 4.000 tấn nhằm chủ động dự trữ hàng, khỏi phải đi gởi kho.

- Đánh giá thời tiết năm 2018 là bình thường, FMC quyết định triển khai vụ nuôi I/2018 sớm đồng thời tăng ao nuôi từ khoảng 150 lên 250 ao. Song song sẽ tiếp tục nghiên cứu những mô hình nuôi tiên tiến nhằm có hướng đi phù hợp trong thực tế, tăng thêm nguồn tôm sạch cho nhu cầu công ty.

- Chú trọng việc đào tạo đội ngũ nhà quản trị kế cận để thuận lợi trong việc chuyển giao công việc.

- Luôn quan tâm tìm cơ hội kinh doanh để đẩy mạnh hoạt động chung của FMC về chất lẫn về lượng.

- Phát hành một đợt cổ phiếu ESOP cho cán bộ chủ chốt, trị giá 12 tỷ đồng.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc với ý kiến kiểm toán: không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Bảo vệ môi trường là tiền đề để doanh nghiệp tồn tại và phát triển, công tác bảo vệ môi trường tốt hay kém, không chỉ ảnh hưởng đến hình tượng của doanh nghiệp, và hơn nữa ảnh hưởng đến sự sống còn và phát triển của doanh nghiệp. Chỉ khi bảo vệ tốt môi trường, doanh nghiệp mới có thể đi lên con đường phát triển liên tục. Với bối cảnh như vậy, FMC xem trọng song song việc tăng gia hiệu ích và bảo vệ môi trường và không ngừng tìm tòi một con đường mà việc bảo vệ môi trường và tăng gia hiệu ích cùng thăng.

Trong năm qua, FMC luôn chú trọng sử dụng nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như: đầu tư các thiết bị xử lý nước thải, xử lý việc xả khí thải ra môi trường một cách hiệu quả, phân loại xử lý chất thải rắn, lồng nhằm đưa đi tái chế, đầu tư các trang thiết bị hiện đại giảm tiêu hao nhiên liệu. Áp dụng các quy chuẩn về môi trường, hợp vệ sinh, đúng pháp luật.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Người lao động là động lực phát triển của công ty, là người trực tiếp sử dụng những tư liệu lao động nhằm tạo ra giá trị, giúp guồng máy hoạt động một cách hiệu quả. Do đó, năng suất của công ty luôn phụ thuộc vào người lao động, muốn đạt năng suất cao thì phải tạo một môi trường thuận lợi, nâng cao đời sống nhân viên, hỗ trợ tinh thần.

FMC luôn chú trọng quan tâm đến đời sống tinh thần, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp tiền bồi dưỡng, hỗ trợ người lao động khi ốm đau, bệnh tật, có chính sách nghỉ bệnh, tai nạn,... nhằm hỗ trợ người lao động một cách tối đa có thể. Tổ chức các hoạt động giải trí nhân dịp 08/03, 20/10, lễ, Tết... Khuyến khích cho con em của người lao động học tập bằng cách phát quà cho những em có thành tích học tập tốt, tổ chức vui chơi, liên hoan cho các cháu nhân dịp Quốc tế thiếu nhi và Tết trung thu.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta luôn hướng tới chia sẻ sự khó khăn với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giúp họ có được điều kiện vật chất để trang trải cuộc sống, đồng thời giúp con em của họ được cấp sách đến trường. Tuy việc đóng góp giới hạn nhưng thể hiện trách nhiệm luôn quan tâm vì cộng đồng của doanh nghiệp, cũng là một sự đầu tư của doanh nghiệp vào địa phương về môi trường, nhân lực, vật lực,... tiếp một phần nhỏ vào công cuộc xây dựng địa phương nói riêng và đất nước nói chung. Đất nước giàu mạnh, địa phương phát triển cũng là một thuận lợi đối với công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty:

- 1.1 *Về tăng vốn điều lệ:* Công ty đã phát hành xong 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ từ 300 tỉ lên 390 tỉ đồng.
- 1.2 *Về xây dựng cơ bản:*

Nhà máy Tin An đã hoàn thành việc xây dựng và đang đang chạy thử ở giai đoạn quý 4/2017. Dự kiến, tháng 1/2018 sẽ đi vào hoạt động chính thức. Chi phí đầu tư nhà máy này khoảng 80 tỉ.
- 1.3 *Diễn biến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm:*
 - Năm có giá nguyên liệu biến động tăng cả những tháng cao vụ.
 - Giá bán trong năm tăng nhẹ.
 - Hoạt động nuôi tôm của công ty có lời nhất từ năm 2013 đến nay.
 - Sản phẩm của công ty luôn ổn định chất lượng, luôn giữ vững uy tín thương hiệu.
 - Công ty là bị đơn bắt buộc cho vụ kiện chống bán phá giá tôm vào thị trường Mỹ giai đoạn POR12 (từ 01/02/2016 đến 31/01/2017). Tháng 1/2018, Bộ thương mại Hoa Kỳ sẽ đến thẩm tra số liệu công ty.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

Ban lãnh đạo công ty đã có tầm nhìn đúng đắn và ứng phó kịp thời, từng bước khắc phục và linh động trong hoạt động điều hành đã đưa công ty mang đến thành quả tốt và hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2017.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Trên nền tảng chủ định của các cổ đông lớn, bối cảnh hoạt động và nhu cầu thực tế, HĐQT sẽ xây dựng chiến lược kinh doanh trong giai đoạn mới. Đó là *Luôn coi việc nâng cao chất lượng sản phẩm là nhiệm vụ hàng đầu song song với việc phát triển sản xuất từng bước vững chắc, tăng doanh số, tăng hiệu quả và đồng lời. Trong việc phát triển sản xuất sẽ từng bước chủ động nguyên liệu sạch thông qua xây dựng chương trình nuôi tôm quy mô lớn. Ngoài ra luôn coi trọng tiết kiệm mọi mặt đồng thời luôn giữ gìn cốt lõi của nét văn hóa doanh nghiệp là hết sức coi trọng chữ tín trong kinh doanh, tăng cường sự đoàn kết nội bộ, hỗ trợ nhau trong mọi mặt hoạt động.*

Trong hoạt động, HĐQT cũng luôn coi trọng việc nắm thông tin phải kịp thời. Và trên hết phải nhanh chóng xử lý thông tin để tranh thủ mọi cơ hội kinh doanh. HĐQT coi trọng việc thực hiện từng bước chiến lược kinh doanh đã đề ra, trong đó chú trọng các giải pháp thực hiện sao phù hợp thực tế và có sự linh hoạt uyển chuyển kịp thời sao giảm thấp nhất thiệt hại (nếu xảy ra) và tăng tối đa hiệu quả hoạt động. HĐQT coi trọng việc kinh doanh tiền tệ, nắm bắt tình hình diễn biến tỉ giá nhằm có hướng vay để giảm chi phí lãi vay ngân hàng. HĐQT cũng coi trọng việc chăm lo đời sống người lao động là một việc làm thường xuyên để người lao động yên tâm, gắn bó, tăng năng suất và chất lượng công việc.

- Chi phí thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2018 là 950 triệu đồng. Thường hoàn thành kế hoạch thưởng 3% lợi nhuận, vượt mức kế hoạch thưởng 5% lợi nhuận vượt. Tất cả được tính là sau thuế.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hồ Quốc Lực	Chủ tịch	
2	Hà Việt Thắng	Phó Chủ tịch	Thành viên độc lập, không điều hành
3	Phạm Hoàng Việt	Thành viên	
4	Tô Minh Chăng	Thành viên	
5	Mã Ích Hưng	Thành viên	

Ông Hồ Quốc Lực – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Xem phần Lý lịch Ban điều hành)

Ông Hà Việt Thắng – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Hà Việt Thắng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 04/07/1978

Nơi sinh: Thành phố Huế

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: 60 D3 Giang Văn Minh, Phường An Phú, Quận 2, TP.HCM

Điện thoại liên lạc: (08) 3914 2668

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Bách Khoa

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch thường trực Công ty Cổ phần Hùng Vương;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng;
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre;

Các công tác đã trải qua:

- Từ 2000 - T02/2010: Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư CTCP Chứng khoán Sài Gòn
- Từ năm 2007: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hùng Vương
- Từ năm 2008: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai
- Từ tháng 02/2010: Trợ lý Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Sài Gòn
- Từ tháng 08/2011: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất NK Lâm Thủy sản Bến Tre
- Từ tháng 04/2013: Thành viên HĐQT CTCP Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng
- Từ tháng 04/2013 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm Sao Ta

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu tại công ty Fimex VN: 54,41%.

Sở hữu cá nhân: 48.750 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: 21.167.999 cổ phần, chiếm 54,28% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

Ông Phạm Hoàng Việt – Thành viên Hội đồng quản trị (Xem phần Lý lịch Ban điều hành)

Ông Tô Minh Chăng – Thành viên Hội đồng quản trị (Xem phần Lý lịch Ban điều hành)

Ông Mã Ích Hưng – Thành viên Hội đồng quản trị (Xem phần Lý lịch Ban điều hành)

1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

1.3. Hoạt động của HĐQT:

- Các cuộc họp:

Trong năm, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã triệu tập 05 lần họp chính thức và nhiều lần họp bất thường:

- Thông qua báo cáo hoạt động quý 4/2016;
- Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán 2016.
- Thông qua các hồ sơ, tài liệu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 diễn ra ngày 13/01/2017.
- Thông qua Phương án SXKD 2017, các hồ sơ hạn mức tín dụng vay Ngân hàng.
- Thông qua việc tạm ứng cổ tức 30%/mệnh giá cổ phiếu cho năm 2017 bằng tiền mặt.
- Thông qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2017 và phương hướng hoạt động 06 tháng cuối năm 2017.
- Thông qua hồ sơ chào bán 9.000.000 CP cho cổ đông hiện hữu và các vấn đề liên quan đến việc phát hành này như xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa bán hết, việc niêm yết và lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
- Thông qua việc chọn Công ty kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam cho việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016.

- Các nghị quyết:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	06/NQ-HĐQT.16	04/11/2016	Quyết định tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt 18%/mệnh giá cổ phiếu.
02	01/NQ-HĐQT.17	09/01/2017	Thông qua chủ trương phát hành 9.000.000 CP cho cổ đông hiện hữu để trình ĐHĐCĐ TN 2017 thông qua.
03	02/NQ-HĐQT.17	07/02/2017	Quyết định tạm ứng cổ tức 2017 bằng tiền mặt 30%/mệnh giá cổ phiếu;
04	03/NQ-HĐQT.17	27/02/2017	Thông qua hồ sơ chào bán 9.000.000 CP cho cổ đông hiện hữu
05	04/NQ-HĐQT.17	06/06/2017	Quyết định thay đổi thời gian chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua CP cho đợt phát hành 9.000.000 CP như nêu trên
06	05/NQ-HĐQT.17	30/08/2017	Quyết định xử lý CP lẻ và CP chưa bán hết cho đợt phát hành CP như nêu trên

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của công ty. Năm 2017, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát

đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

1.6. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty:

Không có

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
1	Chung Thanh Tâm	Trưởng ban	29.250	0,08
2	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	29.250	0,08
3	Triệu Tương Long	Thành viên		

2.2. Hoạt động của BKS:

2.2.1 Công tác tổ chức

Sau Đại hội thường niên, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện kiểm tra, kiểm soát độc lập về các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội; đồng thời Hội đồng quản trị ra Nghị quyết giao nhiệm vụ cho Ban Điều hành xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ và tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định của Công ty và phù hợp với pháp luật của Nhà nước.

Với nhiệm vụ kiểm soát độc lập Ban Kiểm soát tổ chức rà soát các Quy định và Quy chế, quy trình hoạt động của Công ty có phù hợp với Nghị quyết Đại hội giao và chiến lược phát triển của công ty. Trong Ban Kiểm soát phân công Trưởng ban chịu trách nhiệm chung và theo dõi lĩnh vực về tài chính công ty; 01 thành viên chịu trách nhiệm theo dõi về công tác tổ chức nhân sự tại công ty, chất lượng nguyên liệu, thành phẩm (đầu vào, đầu ra) tình hình các phân xưởng, các khu nuôi tôm, kiểm thư ký mỗi kỳ họp; 01 thành viên chịu trách nhiệm theo dõi về lĩnh vực đầu tư và tài chính doanh nghiệp.

2.2.2 Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS):

Ban Kiểm soát xây dựng chương trình kế hoạch kiểm tra, kiểm soát hoạt động Công ty; giám sát hoạt động điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám công

ty trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các chỉ tiêu kế hoạch chi tiết năm 2017.

Năm qua, thành viên BKS tổ chức họp định kỳ *trao đổi thông tin qua mạng Internet (Mail)* để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nhằm xem xét những vấn đề cần quan tâm. Kết quả kiểm tra, kiểm soát được tổng hợp từ các báo cáo của các thành viên BKS Công ty các hoạt động ở mức ổn định, bình thường.

Giám sát hoạt động tài chính và sản xuất kinh doanh năm 2017:

Xem xét các báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo tài chính năm 2017 (thời gian từ ngày 01 tháng 10 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017) theo niên độ hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội năm 2015.

Kết quả báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh do Ban Tổng giám đốc chỉ đạo Phòng kế toán lập để trình Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu năm 2017:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017		Tỷ lệ % TH/KH
		Số liệu Báo cáo của CTy	Báo cáo được kiểm toán	
Tổng doanh thu thuần	3.375.000	3.248.594	3.248.594	96,25%
Lợi nhuận trước thuế	100.000	124.892	124.892	124,89%
Tỷ lệ chia cổ tức	30%	Trình 45%		166,66%

2.2.3 Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát:

Giám sát các hoạt động quản trị, điều hành SXKD đối với Ban điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT Công ty giao.

Qua giám sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như: Điều hành bộ máy công ty từ khâu tổ chức sử dụng nhân sự, tuyển dụng lao động đã đáp ứng cho hoạt động sản xuất - kinh doanh và thực hiện tốt các chính sách người lao động, chế độ lương, phụ cấp độc hại, trang cấp bảo hộ lao động đúng theo quy định hiện hành.

Về công tác bảo trì trang thiết bị được tổ chức thực hiện đúng định kỳ phù hợp với các tiêu chuẩn quy định; từ đó, việc vận hành thiết bị hoạt động an toàn, phát huy được hiệu suất cao, không xảy ra sự cố ảnh hưởng đến sản xuất và kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt và phát huy đồng vốn của công ty (với tỷ suất lợi nhuận năm 2017 là 22,51%).

Việc tổ chức quản lý doanh nghiệp, đơn vị thực hiện tốt các Quy chế, Quy định và quy trình định mức xuất, nhập vật tư nguyên vật liệu, nhiên liệu,

năng lượng chặt chẽ đáp ứng cho yêu cầu phục vụ sản xuất; đồng thời, công ty xây dựng kế hoạch tiết kiệm chi phí đầu vào nhằm hạ giá thành tăng sức cạnh tranh trong lúc kinh tế thế giới đang khó khăn chung, đặc biệt hàng rào kỹ thuật các nước nhập khẩu thắt chặt hơn.

Việc kiểm tra các sản phẩm trước khi nhập kho và xuất bán; công ty tổ chức theo đúng quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, nhưng vẫn còn hạn chế về năng lực và thiết bị tầm soát chất lượng sản phẩm.

Năm 2017, Công ty tổ chức nuôi tôm có hiệu cao góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch, từng bước ổn định và phát triển mặt hàng nông sản tại Nhà máy An San; đồng thời, chủ động nguồn nguyên liệu tôm sạch xuất sang thị trường khó tính như: Nhật, Mỹ và một số nước Châu Âu... với kinh nghiệm Sao Ta có được nên năm qua cũng dự báo tốt tình hình tiêu thụ tránh được rủi ro xuất khẩu sản phẩm; mặt khác công ty nuôi tôm chủ động tháo gỡ những khó khăn về nguyên liệu sạch đầu vào, giúp cho Ban Điều hành nắm được tình hình giá cả nguyên liệu để có những quyết định kịp thời, chính xác giá tôm nguyên liệu khi cần thiết tổ chức thu mua nguyên liệu ngoài nước giúp cho việc sản xuất ổn định, phát huy tối đa công suất nhà máy.

Nhận xét tình hình chung:

Năm 2017 tình hình Công ty sản xuất kinh doanh vượt chỉ tiêu lợi nhuận 24% của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu diễn biến vô cùng phức tạp các đơn vị xuất khẩu bị nhiều áp lực và rủi ro tiềm ẩn.

Với sự nỗ lực không ngừng và quyết tâm của Hội đồng quản trị, trực tiếp là Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc công ty đã phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch.

Các chỉ tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm là áp lực bởi hàng rào kỹ thuật của các nước nhập khẩu hàng hóa Việt Nam dẫn đến việc kiểm soát quy trình sản xuất khắc khe hơn và chi phí kiểm tra phát sinh nhiều hơn. Hệ thống Marketing đã nỗ lực tìm thị trường mới để góp phần tiêu thụ và tổ chức sản xuất sản phẩm mới, tạo thêm giá trị gia tăng phù hợp với thị trường, xu thế quốc tế hiện nay.

Qua báo cáo năm 2017 các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn biến ổn định ở mức bình thường. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần thực phẩm Sao Ta được kiểm toán bởi Công ty TNHH Emst & Young Việt Nam xác nhận kết quả báo cáo tài chính và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2017 theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam; báo cáo niên độ không có những sai sót trọng yếu.

Ban kiểm soát với tư cách đại diện cổ đông thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát độc lập xin xác nhận báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, phù hợp pháp luật Việt Nam.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

DVT: Triệu đồng

ST T	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng thu nhập
01	Hồ Quốc Lực	CT.HĐQT	1.486	120		1.606
02	Hà Việt Thắng	PCT.HĐQT	280	120		400
03	Phạm Hoàng Việt	TV.HĐQT	1.528	96		1.624
04	Tô Minh Chăng	TV.HĐQT	1.016	96		1.112
05	Mã Ích Hưng	TV.HĐQT	1.114	96		1.210
06	Đình Văn Thới	TV.HĐQT	929			929
07	Dương Ngọc Kim	Phó TGĐ	959			959
08	Chung Thanh Tâm	TB.BKS	230	96		326
09	Nguyễn Thanh Tùng	TV.BKS	170	72		242
10	Hoàng Thanh Vũ	Phó TGĐ	1.021			1.021
11	Triệu Tương Long	TV.BKS	522	72		594
	Tổng cộng		9.258	768		10.026

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hồ Quốc Lực		300.000	1%	455.000	1,17%	Mua 50.000 CP theo giao dịch trên Sàn; Mua 105.000 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3
2	Dương Ngọc Kim	Vợ Hồ Quốc Lực	94.125	0,31%	122.362	0,31%	Mua 28.237 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3
3	Hà Việt Thắng		37.500	0,13%	48.750	0,13%	Mua 11.250 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3
4	Phạm Hoàng Việt		106.875	0,36%	138.937	0,36%	Mua 32.062 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3

5	Triệu Mai Lan	Vợ Phạm Hoàng Việt	68.265	0,23%	88.744	0,23%	Mua 20.479 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3
6	Đình Văn Thới		51.375	0,17%	66.787	0,17%	Mua 15.412 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3
7	Nguyễn Như Diễm Quỳnh	Vợ Đình Văn Thới	18.112	0,06%	23.545	0,06%	Mua 5.433 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3
8	Tô Minh Chăng		53.400	0,18%	69.420	0,18%	Mua 16.020 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3
8	Mã Ích Hưng		51.825	0,17%	67.372	0,17%	Mua 15.547 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3
10	Ngô Kiều Phương	Vợ Mã Ích Hưng	25.875	0,09%	33.637	0,09%	Mua 7.762 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3
11	Chung Thanh Tâm		22.500	0,08%	29.250	0,08%	Mua 6.750 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3
12	Nguyễn Thanh Tùng		22.500	0,08%	29.250	0,08%	Mua 6.750 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3
13	Hoàng Thanh Vũ		5	0%	5	0%	
14	Triệu Tương Long		0	0,00%	0	0,00%	
15	BCH CĐCS công ty	Ông Tô Minh Chăng làm Chủ tịch	61.940	0,21%	552.959	1,42%	Mua 414.000CP từ đợt nhận chuyển nhượng quyền mua trong đợt phát hành Mua lại 58.437CP từ đợt phân phối lại CP chưa bán hết trong đợt phát hành Mua 18.582 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3
16	Công ty cổ phần Hùng Vương	Cổ đông lớn	16.283.077	54,28%	21.167.999	54,28%	Mua 4.884.922 CP từ đợt phát hành CP theo tỉ lệ 10:3.

Ghi chú:

“Mua CP theo tỉ lệ 10:3” là mua cổ phiếu theo tỉ lệ cổ đông hiện hữu sở hữu 10 cổ phiếu được quyền mua 3 cổ phiếu mới trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 300 tỉ lên 390 tỉ đồng.

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đầy đủ.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Tham khảo Phụ lục đính kèm.

lc

Sóc Trăng, ngày 10 tháng 01 năm 2018

Đại diện pháp luật của công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC



HỒ QUỐC LỰC

020
NG
PH
IC PH
LO
NG-T

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

(Báo cáo Tài chính 2017 đã được kiểm toán)

753
TY
IN
IAM
A
SOC

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Báo cáo tài chính

Ngày 30 tháng 9 năm 2017



Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30



Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty"), là một công ty cổ phần, được chuyển đổi từ cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện hành của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch
Ông Hà Việt Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên
Ông Mã Ích Hưng	Thành viên
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chung Thanh Tâm	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Triệu Tương Long	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Quốc Lực	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Quốc Lực.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Hồ Quốc Lực
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 12 năm 2017



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61119180/19355348

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") được lập vào ngày 22 tháng 12 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1

Đinh Minh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3203-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017


VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.384.649.740.016	1.237.867.551.370
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	62.079.319.246	193.459.638.522
111	1. Tiền		6.279.319.246	14.459.638.522
112	2. Các khoản tương đương tiền		55.800.000.000	179.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		397.045.971.842	382.057.462.129
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	344.327.353.796	369.533.759.978
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	53.601.316.640	11.593.266.352
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.485.467.810	15.717.825.799
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(15.368.166.404)	(14.787.390.000)
140	IV. Hàng tồn kho		895.014.248.141	624.690.547.880
141	1. Hàng tồn kho	8	895.014.248.141	624.690.547.880
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		30.510.200.787	27.659.902.839
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	4.377.927.078	4.930.248.585
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		26.121.634.875	22.205.119.071
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		10.638.834	524.535.183
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		321.119.266.230	300.388.278.065
210	I. Phải thu dài hạn		368.175.000	368.175.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		368.175.000	368.175.000
220	II. Tài sản cố định		285.490.656.170	230.261.052.178
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	283.081.033.015	227.848.723.975
222	Nguyên giá		620.670.114.881	517.752.857.146
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(337.589.081.866)	(289.904.133.171)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2.409.623.155	2.412.328.203
228	Nguyên giá		3.236.661.710	3.112.046.100
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(827.038.555)	(699.717.897)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.438.411.114	33.110.678.287
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.438.411.114	33.110.678.287
260	IV. Tài sản dài hạn khác		31.822.023.946	36.648.372.600
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	31.257.755.933	36.193.525.000
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	564.268.013	454.847.600
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.705.769.006.246	1.538.255.829.435


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.150.529.890.343	1.037.524.578.585
310	I. Nợ ngắn hạn		1.143.229.617.093	1.030.978.953.835
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	83.972.323.460	73.772.818.520
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.056.534.899	572.894.672
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.833.150.781	3.833.563.211
314	4. Phải trả người lao động		31.269.967.344	26.121.227.824
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	14.044.478.602	14.113.550.139
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	8.997.724.646	5.103.321.502
320	7. Vay ngắn hạn	17	999.106.120.000	903.180.616.670
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		949.317.361	4.280.961.297
330	II. Nợ dài hạn		7.300.273.250	6.545.624.750
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	730.000.000	530.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	6.570.273.250	6.015.624.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		555.239.115.903	500.731.250.850
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	555.239.115.903	500.731.250.850
411	1. Vốn cổ phần		390.000.000.000	300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		390.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		70.562.327.202	70.939.927.202
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		94.676.788.701	129.791.323.648
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		62.356.222.026	55.946.612.262
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		32.320.566.675	73.844.711.386
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.705.769.006.246	1.538.255.829.435


Lưu Nguyễn Trúc Dung
Người lập


Tô Minh Chăng
Kế toán trưởng


Hồ Quốc Lực
Tổng Giám đốc



Ngày 22 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
01	1. Doanh thu về bán hàng	20.1	3.262.515.325.332	3.049.414.615.453
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(13.921.084.748)	(7.785.735.735)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	3.248.594.240.584	3.041.628.879.718
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(2.976.100.783.797)	(2.788.260.934.415)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		272.493.456.787	253.367.945.303
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	19.893.231.242	20.983.470.622
22	7. Chi phí tài chính	22	(35.365.166.481)	(28.696.039.587)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(29.897.785.230)	(17.394.200.355)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(86.736.486.071)	(79.012.371.187)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(44.953.809.060)	(67.803.858.101)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		125.331.226.417	98.839.147.050
31	11. Thu nhập khác		130.210.887	156.479.142
32	12. Chi phí khác		(569.304.542)	(690.483.300)
40	13. Lỗ khác		(439.093.655)	(534.004.158)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		124.892.132.762	98.305.142.892
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(2.680.986.500)	(3.831.471.643)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	26.3	109.420.413	(157.335.890)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		122.320.566.675	94.316.335.359
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.4	3.296	2.696
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.4	3.296	2.696

Lưu Nguyễn Trúc Dung
Người lập

Tô Minh Hằng
Kế toán trưởng

Hồ Quốc Lực
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 12 năm 2017



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

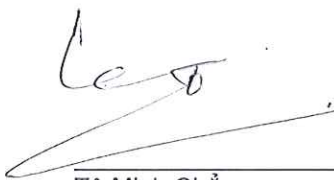
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		124.892.132.762	98.305.142.892
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình ("TSCĐ")	9, 10	48.342.654.145	44.163.062.258
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		1.135.424.904	(6.718.031.221)
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.754.301.450	(652.276.009)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(11.214.062.080)	(9.680.467.099)
06	Chi phí lãi vay	22	29.897.785.230	17.394.200.355
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		194.808.236.411	142.811.631.176
09	Tăng các khoản phải thu		(16.682.612.373)	(112.543.662.656)
10	Tăng hàng tồn kho		(270.323.700.261)	(9.790.147.859)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		17.714.525.811	(15.774.301.030)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		5.365.089.739	(165.456.069)
14	Tiền lãi vay đã trả		(29.918.870.259)	(17.023.193.976)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.448.598.704)	(3.331.032.786)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.766.745.558)	(14.727.607.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(119.252.675.194)	(30.543.770.200)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ		(75.889.394.683)	(93.974.250.825)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.295.505.244	-
26	Thu tiền gửi ngân hàng và trái phiếu đến hạn		10.000.000.000	82.284.720.000
27	Tiền thu lãi ngân hàng		12.344.978.430	9.760.515.172
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(52.248.911.009)	(1.929.015.653)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới	19.1	89.622.400.000	99.596.250.000
33	Tiền thu từ đi vay	17	3.344.110.322.451	2.730.353.703.842
34	Tiền trả nợ gốc vay	17	(3.248.725.598.163)	(2.625.959.355.446)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(144.000.000.000)	(70.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		41.007.124.288	133.990.598.396


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(130.494.461.915)	101.517.812.543
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		193.459.638.522	90.963.927.929
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(885.857.361)	977.898.050
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	62.079.319.246	193.459.638.522


Lưu Nguyễn Trúc Dung
Người lập


Tô Minh Chặng
Kế toán trưởng


Hồ Quốc Lực
Tổng Giám đốc



Ngày 22 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty"), là một công ty cổ phần, được chuyển đổi từ cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 là: 3.150 (ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 2.995).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được Công ty ghi nhận với phương pháp như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa - kê khai thường xuyên, chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Phần mềm vi tính	3 - 6 năm
Tài sản khác	5 - 6 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm khi phát sinh.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13 tháng 6 năm 2007, ngày 4 tháng 10 năm 2012 và ngày 20 tháng 7 năm 2016 trong thời hạn 48 – 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.



Hàng năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Đầu tư khác

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.16 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

0876
3 TY
HÀN
PHẢI
TA
T.50

1
4
9
1
1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	490.705.253	4.903.492.302
Tiền gửi ngân hàng	5.788.613.993	9.556.146.220
Các khoản tương đương tiền (*)	55.800.000.000	179.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>62.079.319.246</u>	<u>193.459.638.522</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc là một (1) tháng và hưởng lãi suất 5,5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mazzetta Company, LLC.	129.605.416.140	137.458.895.537
Amanda Seafood Private Limited	75.636.348.986	30.230.211.796
K&H Food Impex GmbH	38.346.100.000	53.331.911.125
International Marketing Specialists, Inc.	34.209.944.438	48.814.571.955
Khác	66.529.544.232	99.698.169.565
TỔNG CỘNG	<u>344.327.353.796</u>	<u>369.533.759.978</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	42.800.000.000	-
Trả trước cho các bên khác	10.801.316.640	11.593.266.352
TỔNG CỘNG	<u>53.601.316.640</u>	<u>11.593.266.352</u>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(1.299.390.000)	(1.299.390.000)
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>52.301.926.640</u>	<u>10.293.876.352</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho việc giải phóng mặt bằng Khu Công nghiệp Cái Côn	13.088.000.000	13.088.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	763.017.810	859.791.648
Trích trước lãi vay phải thu	153.450.000	1.329.034.151
Khác	481.000.000	441.000.000
TỔNG CỘNG	14.485.467.810	15.717.825.799
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(13.488.000.000)	(13.488.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	997.467.810	2.229.825.799

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	825.375.981.042	565.552.250.979
Nguyên vật liệu	36.061.936.051	30.193.371.954
Công cụ, dụng cụ và bao bì	33.293.353.675	28.301.676.947
Hàng mua đang đi trên đường	282.977.373	643.248.000
TỔNG CỘNG	895.014.248.141	624.690.547.880

Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp toàn bộ hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	2.551.564.900	360.980.000	199.501.200	3.112.046.100
Mua mới	-	124.615.610	-	124.615.610
Số cuối năm	<u>2.551.564.900</u>	<u>485.595.610</u>	<u>199.501.200</u>	<u>3.236.661.710</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu trừ hết	-	140.000.000	199.501.200	339.501.200
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	330.037.306	190.332.123	179.348.468	699.717.897
Hao mòn trong năm	58.351.632	48.816.294	20.152.732	127.320.658
Số cuối năm	<u>388.388.938</u>	<u>239.148.417</u>	<u>199.501.200</u>	<u>827.038.555</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>2.221.527.594</u>	<u>170.647.877</u>	<u>20.152.732</u>	<u>2.412.328.203</u>
Số cuối năm	<u>2.163.175.962</u>	<u>246.447.193</u>	<u>-</u>	<u>2.409.623.155</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Máy móc đang chờ lắp đặt	3.045.000.000	11.396.900.000
Nhà máy Tin An	393.411.114	19.729.281.521
Nâng cấp xưởng chế biến tôm	-	1.984.496.766
TỔNG CỘNG	<u>3.438.411.114</u>	<u>33.110.678.287</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.377.927.078	4.930.248.585
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	4.377.927.078	4.930.248.585
Dài hạn	31.257.755.933	36.193.525.000
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	22.941.081.288	20.928.801.559
Trả trước tiền thuê đất	4.937.872.702	8.449.504.190
Khác	3.378.801.943	6.815.219.251
TỔNG CỘNG	<u>35.635.683.011</u>	<u>41.123.773.585</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Magnum Export Limited	6.194.361.600	-
B-One Business House Private Limited	6.157.490.400	-
Công ty TNHH Bao bì Xuất khẩu và Thương mại Vạn Thành	5.812.199.350	5.948.255.143
Khác	65.808.272.110	67.824.563.377
TỔNG CỘNG	<u>83.972.323.460</u>	<u>73.772.818.520</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	2.084.964.507	6.216.508.774	(5.449.309.000)	2.852.164.281
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.748.598.704	2.680.986.500	(3.448.598.704)	980.986.500
TỔNG CỘNG	<u>3.833.563.211</u>	<u>8.897.495.274</u>	<u>(8.897.907.704)</u>	<u>3.833.150.781</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tư vấn luật	4.142.320.000	1.132.739.870
Chi phí vận chuyển và cước tàu	3.047.666.410	6.181.930.485
Chi phí hoa hồng	97.340.100	2.878.202.275
Khác	6.757.152.092	3.920.677.509
TỔNG CỘNG	<u>14.044.478.602</u>	<u>14.113.550.139</u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	8.997.724.646	5.103.321.502
Kinh phí công đoàn	5.641.906.642	5.026.631.502
Khác	3.355.818.004	76.690.000
Dài hạn	730.000.000	530.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	730.000.000	530.000.000
TỔNG CỘNG	<u>9.727.724.646</u>	<u>5.633.321.502</u>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

B09-DN

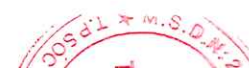
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

17. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm			Số cuối năm
		Tăng	Giảm	Đánh giá lại	
Vay ngân hàng (*)	903.180.616.670	3.344.110.322.451	(3.248.725.598.163)	540.779.042	999.106.120.000

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	Số tiền (VND)	Nguyên tệ (USD)			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng					
Vay USD	287.458.800.000	12.630.000	Từ ngày 4 tháng 2 năm 2018 đến ngày 29 tháng 3 năm 2018	2,3	Nhà cửa, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải tại nhà máy Tin An
Vay VND	192.120.000.000		Từ ngày 17 tháng 1 năm 2018 đến ngày 14 tháng 3 năm 2018	5,0	Hàng tồn kho, kho lạnh 4000 Nhà cửa, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải tại ao tôm Tân Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng					
Vay VND	238.851.000.000		Từ ngày 30 tháng 11 năm 2017 đến ngày 14 tháng 2 năm 2018	5,2	Nhà xưởng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Vay USD	180.987.520.000	7.952.000	Từ ngày 11 tháng 1 năm 2018 đến ngày 25 tháng 2 năm 2018	2,4	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Cần Thơ					
Vay USD	99.688.800.000	4.380.000	Từ ngày 22 tháng 2 năm 2018 đến ngày 5 tháng 3 năm 2018	2,2	Tín chấp
TỔNG CỘNG	999.106.120.000	24.962.000			



Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số tiền này thể hiện khoản trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>VND</i>				
Năm trước (chưa kiểm toán):				
Số đầu năm	200.000.000.000	71.343.677.202	123.216.838.988	394.560.516.190
Phát hành cổ phiếu mới	100.000.000.000	(403.750.000)	-	99.596.250.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	94.316.335.359	94.316.335.359
Cổ tức công bố	-	-	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(17.741.850.699)	(17.741.850.699)
Số cuối năm	<u>300.000.000.000</u>	<u>70.939.927.202</u>	<u>129.791.323.648</u>	<u>500.731.250.850</u>
Năm nay:				
Số đầu năm	300.000.000.000	70.939.927.202	129.791.323.648	500.731.250.850
Phát hành cổ phiếu mới	90.000.000.000	(377.600.000)	-	89.622.400.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	122.320.566.675	122.320.566.675
Cổ tức công bố	-	-	(144.000.000.000)	(144.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.435.101.622)	(13.435.101.622)
Số cuối năm	<u>390.000.000.000</u>	<u>70.562.327.202</u>	<u>94.676.788.701</u>	<u>555.239.115.903</u>

Vào ngày 5 tháng 9 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 9.000.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty tăng từ 300.000.000.000 VND lên 390.000.000.000 VND theo GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 số 2200208753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp vào ngày 25 tháng 9 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	300.000.000.000	200.000.000.000
Phát hành cổ phiếu mới	90.000.000.000	100.000.000.000
Số cuối năm	<u>390.000.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức công bố	144.000.000.000	70.000.000.000
Cổ tức đã trả	144.000.000.000	70.000.000.000

19.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	39.000.000	30.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.000.000	30.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.000.000	30.000.000

19.4 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	122.320.566.675	94.316.335.359
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	<u>(22.254.664.050)</u>	<u>(13.435.101.622)</u>
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)	100.065.902.625	80.881.233.737
Số lượng cổ phiếu bình quân (<i>cổ phiếu</i>)	30.357.143	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.296	2.696
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.296	2.696

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(*) Số tiền này được ước tính dựa trên tỷ lệ 18% trên lợi nhuận sau thuế trích lập cho quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm trước, theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 13 tháng 1 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Tổng doanh thu	3.262.515.325.332	3.049.414.615.453
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thủy sản</i>	<i>3.143.496.559.737</i>	<i>2.973.700.506.501</i>
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	<i>119.018.765.595</i>	<i>75.714.108.952</i>
Trừ:	(13.921.084.748)	(7.785.735.735)
<i>Hàng bán trả lại</i>	<i>(13.921.084.748)</i>	<i>(7.351.506.515)</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>-</i>	<i>(434.229.220)</i>
DOANH THU THUẦN	<u>3.248.594.240.584</u>	<u>3.041.628.879.718</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thủy sản</i>	<i>3.129.788.538.667</i>	<i>2.965.914.770.766</i>
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	<i>118.805.701.917</i>	<i>75.714.108.952</i>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	11.169.394.279	9.680.467.099
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.723.836.963	11.303.003.523
TỔNG CỘNG	<u>19.893.231.242</u>	<u>20.983.470.622</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Giá vốn hàng thủy sản	2.899.259.618.763	2.741.295.055.725
Giá vốn hàng nông sản	76.841.165.034	46.965.878.690
TỔNG CỘNG	<u>2.976.100.783.797</u>	<u>2.788.260.934.415</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí lãi vay	29.897.785.230	17.394.200.355
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.467.381.251	11.301.839.232
TỔNG CỘNG	35.365.166.481	28.696.039.587

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí vận chuyển	47.694.517.174	56.623.234.013
Chi phí hoa hồng	5.777.351.638	8.550.862.361
Chi phí nhân công	2.044.857.839	1.772.368.548
Khác	31.219.759.420	12.065.906.265
TỔNG CỘNG	86.736.486.071	79.012.371.187

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí nhân công	23.211.604.292	18.854.300.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.960.791.027	4.181.898.273
Thuế và phí	4.892.330.545	4.645.973.389
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.179.664.354	1.259.938.764
Khác	10.709.418.842	38.861.746.950
TỔNG CỘNG	44.953.809.060	67.803.858.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí nguyên vật liệu	3.288.364.575.120	2.541.075.214.824
Chi phí nhân công	314.804.238.764	260.838.923.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.206.015.405	101.035.636.748
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	48.342.654.145	44.163.062.258
Khác	119.831.965.941	236.581.162.133
TỔNG CỘNG	<u>3.879.549.449.375</u>	<u>3.183.693.999.237</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Từ năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế TNDN ("Thông tư 96") và Công văn số 1327/CT-TTr từ Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng ngày 1 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

- ▶ Đối với hoạt động hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn: Công ty được miễn thuế TNDN trong suốt thời gian hoạt động; và
- ▶ Đối với hoạt động hàng thủy sản ở vùng khó khăn: Công ty được hưởng lãi suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	2.680.986.500	3.831.471.643
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(109.420.413)</u>	<u>157.335.890</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.571.566.087</u>	<u>3.988.807.533</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	124.892.132.762	98.305.142.892
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	24.978.426.552	16.464.864.096
Thuế TNDN được miễn, giảm	<u>(22.406.860.465)</u>	<u>(12.476.056.563)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>2.571.566.087</u>	<u>3.988.807.533</u>

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả	657.027.325	601.562.475	55.464.850	(10.621.015)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	<u>(92.759.312)</u>	<u>(146.714.875)</u>	<u>53.955.563</u>	<u>(146.714.875)</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>564.268.013</u>	<u>454.847.600</u>		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			<u>109.420.413</u>	<u>(157.335.890)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	78.158.769.231	37.993.847.500
		Góp vốn	48.849.230.000	-
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Ứng trước mua cá nguyên liệu	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm Thủy Sản Bến Tre	Bên liên quan	Ứng trước mua tôm nguyên liệu	17.800.000.000	-
Công ty TNHH Hùng Vương Sa Đéc	Bên liên quan	Mua tài sản cố định	-	3.000.250.000

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu với các bên liên quan như sau

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Mua cá nguyên liệu	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm Thủy Sản Bến Tre	Bên liên quan	Mua tôm nguyên liệu	17.800.000.000	-
TỔNG CỘNG			42.800.000.000	-

Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Lương và các chi phí liên quan	<u>10.025.517.000</u>	<u>9.705.552.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	45.857.760	45.857.760
Trên 1 – 5 năm	183.431.040	183.431.040
Trên 5 năm	<u>23.483.341.424</u>	<u>25.694.549.280</u>
TỔNG CỘNG	<u>23.712.630.224</u>	<u>25.923.838.080</u>

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm. Trong đó, doanh thu thủy sản chiếm tỷ trọng khoảng 96% trong tổng doanh thu. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh - thủy sản và khu vực địa lý - Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	222.849	1.696.482
Yên Nhật (JPY)	254.970	96.689
Euro (EUR)	214	227
Nợ khó đòi đã xử lý (VND):		
Các khoản phải thu khác	-	81.560.811

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

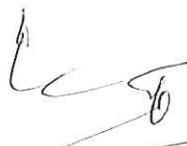
31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Từ ngày 17 tháng 11 năm 2017, Công ty Cổ phần Hùng Vương không còn là cổ đông lớn của Công ty.


Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Công ty.



Lưu Nguyễn Trúc Dung
Người lập



Tô Minh Chăng
Kế toán trưởng


Hồ Quốc Lực
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 12 năm 2017